

Số: 33 /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 30 tháng 8 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở,  
công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất  
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023);

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ đời sống gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

b) Xác định giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có cấu tạo phù hợp với mẫu và có diện tích sàn (hoặc sàn tầng 1) bằng hoặc nhỏ hơn diện tích xây dựng trong mẫu (nhà A, B, C: 60m<sup>2</sup>; nhà D, G, K: 32m<sup>2</sup>; nhà E: 18m<sup>2</sup>; nhà H: 50m<sup>2</sup>; chuồng trại CT: 14,8m<sup>2</sup>). Riêng đối với công trình phục vụ nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân có cấu tạo không phù hợp với mẫu hoặc có diện tích lớn hơn diện tích trong mẫu được áp dụng Đơn giá các khối lượng xây lắp để xác định giá trị xây mới.

2. Các khối lượng, công việc xây dựng không có trong bộ đơn giá ban hành tại Quyết định này thì được tính toán cụ thể cho từng cấu kiện, bộ phận theo phương pháp lập dự toán tại thời điểm lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.

## **Điều 3. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất**

Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định: số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Đơn giá nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất để bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; số 28/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Đơn giá nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất để bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

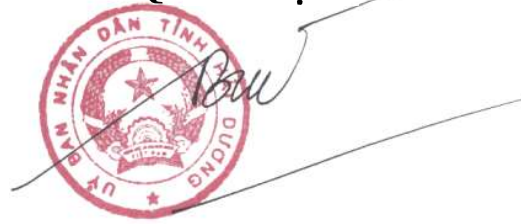
## **Điều 5. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ TNMT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT-VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, NCC (10)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Bản**